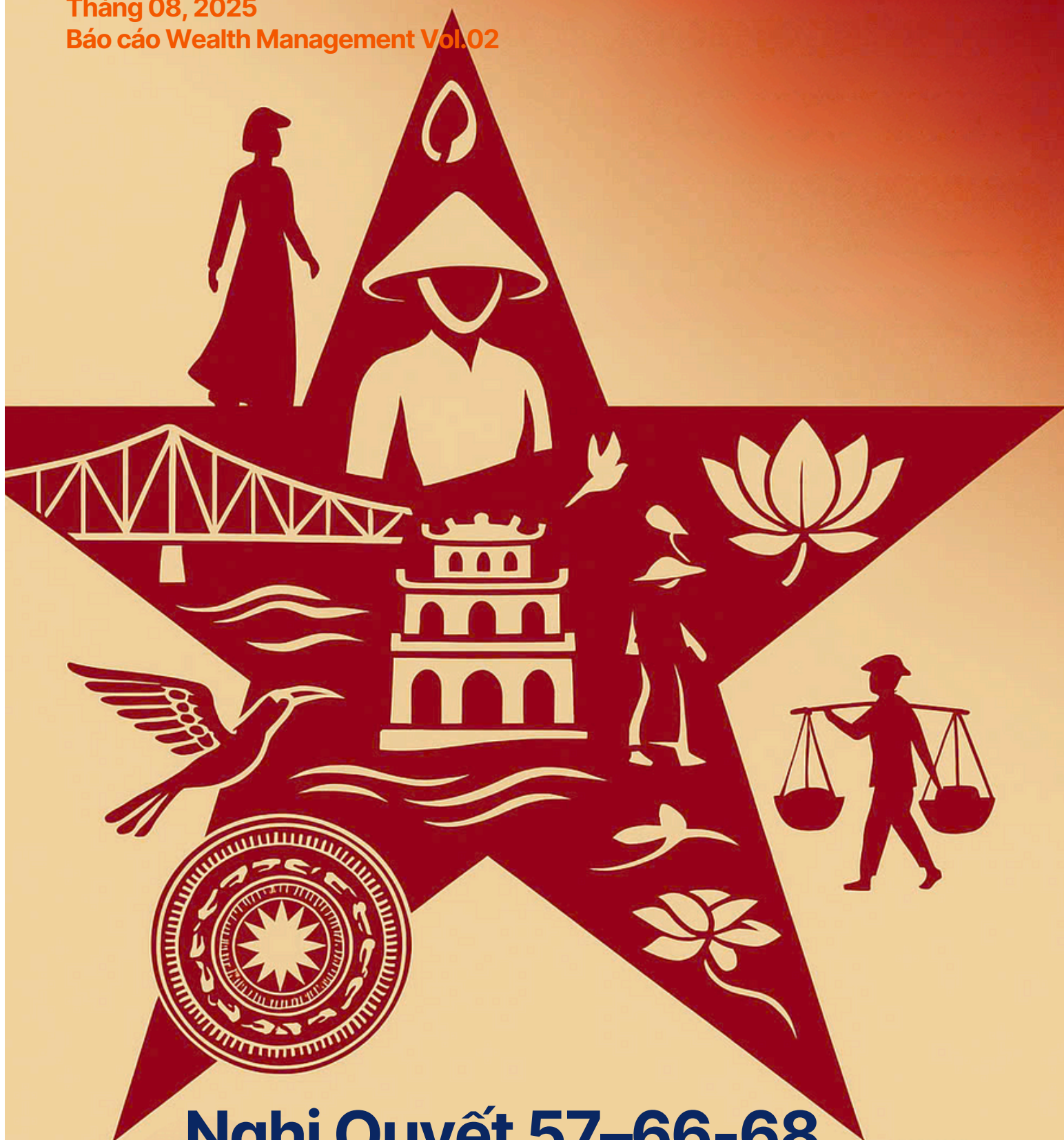


Tháng 08, 2025

Báo cáo Wealth Management Vol.02



Nghị Quyết 57–66–68

Bản đồ chiến lược cho một Việt Nam hùng cường

PHẦN MỞ ĐẦU

Vào cuối năm 2024 và đầu năm 2025, Bộ Chính trị đã ban hành ba nghị quyết quan trọng nhằm tạo đột phá cho nền kinh tế Việt Nam:

- **Nghị quyết 57-NQ/TW (22/12/2024) về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;**
- **Nghị quyết 66-NQ/TW (30/04/2025) về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật.**
- **Nghị quyết 68-NQ/TW (04/05/2025) về phát triển kinh tế tư nhân.**

Những nghị quyết vừa được ban hành không chỉ là định hướng điều hành, mà chính là **tầm nhìn chiến lược về một cuộc chuyển động sâu xa trong cấu trúc tăng trưởng quốc gia** – nơi **khoa học công nghệ và khu vực kinh tế tư nhân** được đặt làm hai **trụ cột chủ lực**, dẫn dắt nền kinh tế bước vào giai đoạn phát triển chất lượng cao.

Báo cáo này sẽ cùng quý vị đi sâu vào nội dung cốt lõi của từng nghị quyết, từ đó nhìn rõ những chuyển biến tiềm tàng đối với môi trường kinh doanh, làn sóng khởi nghiệp, và dòng chảy trên thị trường tài chính kể từ năm 2025 trở đi. Không dừng lại ở phân tích, chúng tôi sẽ đề xuất thêm một số khuyến nghị chính sách, nhằm khơi thông động năng tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và từng bước nâng cấp chất lượng vận hành của nền kinh tế thị trường Việt Nam trong bối cảnh mới.

Báo cáo này gồm 3 phần, nghiên cứu chi tiết 3 vấn đề chính:

1. Tổng quan Nghị quyết 57-68
2. Triển vọng nâng tầm Việt Nam lên nhóm nền kinh tế phát triển - Gợi ý chính sách
3. Việt Nam 2045 Hội Nhập & Tự Lực



MỤC LỤC

03 **Chương 1**
Tổng quan Nghị quyết 57 - 68

03 Nghị Quyết 57-NQ/TW (2024)

06 Nghị Quyết 68-NQ/TW (2025)

09 Đánh giá tác động

10 **Chương 2**
Triển vọng nâng tầm Việt Nam
lên nhóm nền kinh tế phát triển -
Gợi ý chính sách

12 **Chương 3**
Việt Nam 2045 Hội Nhập & Tự Lực

19 **Kết luận**



DIỄN ĐÀN TẾ TƯ NHÂN NAM 2025

KHAI PHÓNG
*Kiến
Tạo*

15-16/9/2025

SHALAN

CHƯƠNG 1

Tổng quan Nghị quyết 57-68

Đất nước ta đang rất cần một chuyển
động chiến lược toàn diện và mang tính
đột phá

1. NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW (2024)

- ĐỘT PHÁ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Dù đã có nhiều chủ trương đúng đắn và những kết quả ban đầu đáng khích lệ, nhưng thực tiễn triển khai vẫn còn chậm rãi, thiếu sức bật; tiềm lực khoa học – công nghệ còn mỏng; nhận thức chưa thật sâu; trong khi thể chế, chính sách, nhân lực và hạ tầng lại tồn tại nhiều điểm nghẽn.

Trong bối cảnh ấy, đất nước ta đang rất cần một **chuyển động chiến lược toàn diện và mang tính đột phá**, nhằm khơi dậy tiềm năng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số – những “nguồn năng lượng sạch” cho tăng trưởng trong kỷ nguyên mới. Có như vậy, mới có thể hiện thực hóa khát vọng đến năm 2030 trở thành quốc gia đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và xa hơn, đến năm 2045 vươn lên hàng ngũ những nước phát triển, có thu nhập cao.

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- **Khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo là “động lực chính”** để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới quản trị quốc gia, phát triển kinh tế-xã hội.
- **Là cuộc cách mạng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực** có sự tăng cường lãnh đạo toàn diện của Đảng và sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân.
- Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, **loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”** khuyến khích đổi mới sáng tạo.
- **Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao** cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc **“hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”**.
- **Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ**, nhất là công nghệ chiến lược.
- Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt.

“

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

Trích Nghị quyết số 57 - NQ/TW



MỤC TIÊU CỤ THỂ:

2030		2045
Top 3 ASEAN	Năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử	Top 30 thế giới về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
Top 50 thế giới		
Top 3 ASEAN	Nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo	
Trung tâm phát triển	Một số ngành có lợi thế	Trung tâm công nghiệp công nghệ số
≥5	Doanh nghiệp công nghệ số đạt đẳng cấp tiên tiến quốc tế	≥10
≥50%	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu	
≥55%	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	
≥30% GDP	Quy mô kinh tế số	≥50% GDP
≥80%	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	
	Giao dịch không dùng tiền mặt	
≥2% GDP	Đầu tư cho R&D (≥60% từ khu vực ngoài nhà nước)	Thu hút thêm ≥5 các tập đoàn công nghệ lớn đặt cơ sở R&D tại Việt Nam.
≥3%	Chi ngân sách hàng năm dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
≥40%	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	
12 người/ 1 vạn dân	Nguồn nhân lực khoa học, phát triển công nghệ	
40-50	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	
+10%/năm	Số lượng công bố khoa học quốc tế	
+ 16-18%/năm	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế	
+8-10%/năm	Tỉ lệ khai thác thương mại	

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

- Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy**, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội;
- Khẩn trương hoàn thiện thể chế, xóa bỏ mọi tư tưởng rào cản, khuyến khích thử nghiệm cái mới** - bước quan trọng tạo “sandbox” pháp lý an toàn cho đổi mới sáng tạo;



3 Phát triển và nâng cao hạ tầng và nhân lực

Đầu tư và hoàn thiện hạ tầng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số:

- Ban hành chương trình và quỹ phát triển công nghệ, công nghiệp chiến lược
- Dành $\geq 15\%$ chi ngân sách sự nghiệp khoa học cho nghiên cứu công nghệ chiến lược;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, phát triển sản phẩm số; đầu tư hạ tầng số hiện đại: viễn thông, cáp quang, 5G/6G, IoT, truyền dẫn vệ tinh, tích hợp cảm biến số.
- Phát triển hạ tầng dữ liệu; bảo đảm dữ liệu trở thành tài nguyên

Phát triển, thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao

- Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục; hỗ trợ tín dụng, học bổng
- Xây dựng các chương trình đào tạo tài năng, trường đào tạo chuyên sâu về AI.
- Ban hành chính sách đặc thù **thu hút chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam/quốc tế**
- Phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học trình độ cao trong các **ngành STEM then chốt (AI, chip bán dẫn, kỹ thuật...)** và hợp tác sâu với đại học quốc tế.

4 Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo trong hệ thống chính trị và trong doanh nghiệp

Trong hệ thống chính trị và quản trị quốc gia :

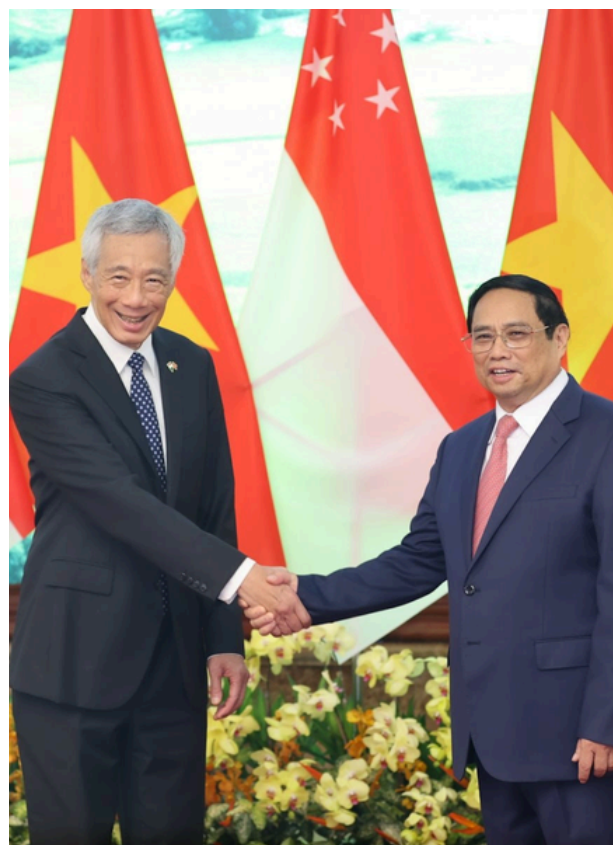
- **Số hóa toàn diện** hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bảo mật và tăng cường hiệu quả quản lý công.
- **Thu hút, giữ chân nhân lực chất lượng cao** về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vào khu vực công.
- **Ứng dụng công nghệ số** trong quốc phòng, an ninh, hiện đại hóa vũ khí, ngăn chặn tội phạm công nghệ cao, củng cố thể trận an ninh mạng toàn dân.

Trong doanh nghiệp

- **Ưu đãi và hỗ trợ** doanh nghiệp, đặc biệt là **doanh nghiệp nhỏ và vừa**, trong chuyển đổi số, nghiên cứu và đổi mới công nghệ.
- Hình thành doanh nghiệp công nghệ số chiến lược quy mô lớn, có khả năng dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và cạnh tranh toàn cầu.
- Chính sách **ưu đãi đất đai, tín dụng, thuế để phát triển sản phẩm, dịch vụ số; hình thành khu công nghiệp công nghệ số.**
- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm số, **phát triển kinh tế số chiếm ít nhất 70%** các ngành, lĩnh vực, thúc đẩy sản xuất thông minh trong nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông và logistics.

5 Tăng cường hợp tác quốc tế với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ cao.

- **Có chính sách mua/chuyển giao công nghệ tiên tiến** phù hợp với Việt Nam.
- Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia



2. NGHỊ QUYẾT 68 - NQ/TW (2025) - PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.

Trích Nghị quyết số
68 - NQ/TW

Quan điểm và mục tiêu tổng quát:

- **Phát triển nhanh, bền vững, chất lượng cao** là nhiệm vụ vừa cấp bách trước mắt, vừa mang tính chiến lược lâu dài.
- Kinh tế tư nhân là lực lượng tiên phong trong: **Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi số**, Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Hội nhập quốc tế.
- Cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, **kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt** xây dựng nền kinh tế **độc lập, tự chủ**.
- Xóa bỏ **định kiến** về kinh tế tư nhân.
- **Tôn trọng, bảo vệ** doanh nghiệp và doanh nhân.
- Xem doanh nhân như **"chiến sĩ"** trên mặt trận kinh tế.
- Nhà nước cam kết: **Bảo đảm quyền sở hữu tài sản và tự do kinh doanh**; cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; khu vực tư nhân tiếp cận công bằng nguồn lực: **vốn, đất đai, công nghệ, nhân lực, dữ liệu...**
- Xây dựng môi trường kinh doanh: **Thông thoáng, minh bạch, chi phí thấp, chuẩn quốc tế**. Đặc biệt khuyến khích đầu tư: **Các ngành ưu tiên; Đổi mới sáng tạo; Chuyển đổi số**.

Mục tiêu cụ thể:

2030		2045
2 triệu (~20 DN/1000 dân)	Doanh nghiệp hoạt động	ít nhất 3 triệu
20	Doanh nghiệp lớn, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu	
10 - 12%/năm	Tốc độ tăng trưởng bình quân	
55 - 58%	GDP	>60% GDP
35 - 40%	Thu NSNN	
84 - 85%	Việc làm cả nước	Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, mạnh, bền vững , có năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
8,5 - 9,5%/năm	Năng suất lao động tăng bình quân	
Top 3 ASEAN	Trình độ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	
Top 5 Châu Á		

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. ĐỔI MỚI TƯ DUY, THỐNG NHẤT CAO VỀ NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG

Khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân.

2. ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH, HOÀN THIỆN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH.

Bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu **quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng** và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân.

2025: cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật và điều kiện kinh doanh hiện hành và tiếp tục cắt giảm trong những năm tiếp theo.

Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử... Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn.

Tuân thủ nguyên tắc phân định rõ **trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân** trong xử lý vi phạm.

Có cơ chế, chính sách đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: **bãi bỏ lệ phí môn bài; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 3 năm đầu thành lập**; bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cho các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, kết hợp huy động nguồn lực từ các quỹ đầu tư của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, viện nghiên cứu, trường đại học...

3. TẠO THUẬN LỢI CHO KINH TẾ TƯ NHÂN TIẾP CẬN CÁC NGUỒN LỰC VỀ ĐẤT ĐAI, VỐN, NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO.

Tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân: Kiểm soát biến động giá đất, đặc biệt là đất phi nông nghiệp và sản xuất kinh doanh, tránh ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp; Mỗi khu công nghiệp phải bố trí **tối thiểu 20 ha**, cụm công nghiệp dành **5% quỹ đất** cho các đối tượng ưu tiên; giảm **ít nhất 30% tiền thuê đất trong 5 năm đầu** cho doanh nghiệp nhỏ, vừa, công nghệ cao, khởi nghiệp.

Đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho kinh tế tư nhân: Rà soát, **hoàn thiện chính sách tín dụng**, ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ, vừa, công nghiệp hỗ trợ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xuất khẩu...; **Phát triển tín dụng xanh**, giảm lãi suất cho vay đầu tư xanh, tuần hoàn, theo chuẩn ESG; Khuyến khích thị trường vốn phát triển: **nâng hạng thị trường chứng khoán**, phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, nghiên cứu khung pháp lý về **chứng khoán hóa tài sản**.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân: Tập trung **phát triển giáo dục đại học, nghề chất lượng cao**, liên kết đào tạo với nước ngoài, chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ chi phí đào tạo, **ưu đãi thuế** với doanh nghiệp đầu tư cho nhân lực chất lượng cao; Triển khai **chương trình đào tạo 10.000 giám đốc điều hành** doanh nghiệp tư nhân, chú trọng thực tiễn, hiệu quả; Thúc đẩy đào tạo **kỹ năng số, STEM, ngoại ngữ, kỹ năng mềm**...

4. THÚC ĐẨY KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ, CHUYỂN ĐỔI XANH, KINH DOANH HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG

trong kinh tế tư nhân: Triển khai **nghị quyết 57-NQ/TW**; Thí điểm **khung pháp lý sandbox**; **Ưu đãi thuế**; Hỗ trợ **không gian, hạ tầng** nghiên cứu,...

5. TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN, DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP FDI

- Xây dựng **chuỗi liên kết ngành**, chuỗi cung ứng, khuyến khích doanh nghiệp lớn kết nối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Hỗ trợ **phát triển cụm liên kết**; Hỗ trợ DN nhỏ tham gia chuỗi.
- Khuyến khích tổ chức tài chính, tín dụng **hỗ trợ vốn** cho DN tư nhân trong chuỗi cung ứng.
- Yêu cầu DN FDI **cam kết hỗ trợ nội địa hoá, chuyển giao công nghệ** ngay từ giai đoạn đầu phê duyệt dự án.

6. HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHANH CÁC DOANH NGHIỆP LỚN VÀ VỪA, CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ TƯ NHÂN TẦM CỠ KHU VỰC VÀ TOÀN CẦU:

Khuyến khích DN tư nhân: **tham gia dự án lớn, chiến lược**, đặc biệt trong các lĩnh vực trọng điểm; Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ đấu thầu, vốn, đất đai để mở rộng quy mô; Đa dạng hóa hình thức hợp tác công tư (PPP)...

Thúc đẩy hình thành **1.000 DN tư nhân tiêu biểu**, tiên phong đổi mới sáng tạo, công nghệ, công nghiệp hỗ trợ, chuyển đổi số.

Phát triển **vườn ươm thị trường quốc tế (Go Global)**, hỗ trợ DN tư nhân vươn ra thị trường nước ngoài, kết nối M&A, logistics, đầu tư, thương mại toàn cầu.

7. HỖ TRỢ THỰC CHẤT, HIỆU QUẢ

Hỗ trợ **thực chất, hiệu quả** doanh nghiệp **nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh**: Rà soát, **hoàn thiện pháp lý** cho kinh doanh cá thể, thu hẹp bất cập, **tạo điều kiện chuyển đổi hộ kinh doanh sang DN**; Xoá bỏ **hình thức thuế khoán** với hộ kinh doanh trước năm 2026; Miễn hoặc giảm **chi phí đăng ký, kế toán, bảo hiểm; hỗ trợ pháp lý và tư vấn chuyên môn**; Triển khai **Chiến lược tài chính toàn diện**.

8. ĐỀ CAO ĐẠO ĐỨC KINH DOANH, PHÁT HUY TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI, THÚC ĐẨY MẠNH MẼ TINH THẦN KINH DOANH, TẠO MỌI ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI ĐỂ DOANH NHÂN THAM GIA QUẢN TRỊ ĐẤT NƯỚC

- **Bồi dưỡng đạo đức, văn hóa kinh doanh**, đề cao tinh thần trung thực, trách nhiệm, lợi ích hài hòa giữa DN và xã hội.
- Đánh giá doanh nghiệp theo tiêu chí đạo đức và tuân thủ pháp luật; Tôn vinh doanh nhân có đóng góp bền vững, tham gia chính sách công và phát triển xã hội.
- Khuyến khích: khởi nghiệp tạo **tác động xã hội**; doanh nhân tham gia **quản trị đất nước**.; Thiết lập cơ chế **phản biện, đối thoại** giữa DN với cơ quan nhà nước để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc chính sách.
- Không ngừng nâng cao **vai trò và hình ảnh** doanh nhân, phát huy tinh thần dân tộc, đổi mới, sáng tạo, phụng sự đất nước.



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG



Nghị quyết 57 và 68 kỳ vọng sẽ **cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh Việt Nam** theo hướng **minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận** và **tiệm cận chuẩn quốc tế**, tạo nền tảng cho cả **doanh nghiệp hiện hữu** và **doanh nghiệp mới phát triển**. Tuy nhiên, tác động thực tiễn phụ thuộc vào **mức độ quyết liệt** và **đúng tiến độ** trong triển khai cải cách, với yếu tố then chốt là **luật hóa chính sách** và **giám sát thực thi** hiệu quả, nhằm hướng tới mục tiêu top 3 ASEAN.



Mở ra triển vọng tích cực cho **hệ sinh thái khởi nghiệp**, tháo gỡ các **điểm nghẽn** về **vốn, thể chế và văn hóa**.



Đưa Việt Nam **trở thành trung tâm khởi nghiệp mới** của Đông Nam Á, sánh vai cùng Singapore và Indonesia: Nghị quyết 57 và 68 xem **khởi nghiệp sáng tạo là động lực tăng trưởng quan trọng**, với loạt chính sách đột phá như **sandbox, quỹ đầu tư, bảo vệ quyền lợi startup**, giúp thúc đẩy startup trong lĩnh vực AI, thương mại điện tử, logistics công nghệ...



Mở rộng **quy mô, nâng cao chất lượng, hiện đại hóa và làm sâu** Thị trường tài chính: hát triển đa tầng từ vốn mạo hiểm, tín dụng SME đến chứng khoán – trái phiếu cho doanh nghiệp lớn, đồng thời bắt kịp xu hướng tài chính số toàn cầu:

- Thị trường chứng khoán: nâng cấp lên **nhóm mới nổi**, nhằm **thu hút thêm vốn đầu tư nước ngoài**. Các cải cách trọng tâm gồm: tăng **minh bạch**, cải thiện **quản trị**, đa dạng hóa **sản phẩm** và **nâng năng lực** các sở giao dịch. Đồng thời, **hoàn thiện khung pháp lý** cho trái phiếu doanh nghiệp để khôi phục niềm tin và phát triển kênh huy động vốn dài hạn.
- **Đa dạng hóa kênh huy động vốn cho khu vực tư nhân**, giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng, **phát triển thị trường bảo hiểm** như một kênh vốn dài hạn. Đồng thời, việc nghiên cứu **chứng khoán hóa các khoản nợ** sẽ giúp ngân hàng phân tán rủi ro, mở rộng dư địa cho vay.
- **Thúc đẩy tài chính số và fintech**: phổ cập **thanh toán không dùng tiền mặt** và **hoàn thiện pháp lý** cho fintech, tài sản ảo, sandbox. Hệ sinh thái fintech sẽ phát triển sôi động với các mô hình như **P2P lending, blockchain, ngân hàng số, bảo hiểm số...**



CHƯƠNG 2

Triển vọng nâng tầm Việt Nam lên nhóm nền kinh tế phát triển - Gợi ý chính sách

Thiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 –
đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển,
có thu nhập cao.



TRIỂN VỌNG NÂNG TẦM VIỆT NAM LÊN NHÓM NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Mục tiêu xuyên suốt của hai nghị quyết là đóng góp vào việc hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 – đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao. Để đạt được mục tiêu này, nghị quyết đã đề ra các định hướng chiến lược giúp Việt Nam chuyển mình, và vượt qua bẫy thu nhập trung bình:



Tác động trực tiếp đến **trụ cột cốt lõi** của tăng trưởng dài hạn, bao gồm **năng suất lao động, đổi mới công nghệ và phát triển khu vực kinh tế tư nhân**. Thực tiễn từ các nền kinh tế công nghiệp Hàn Quốc, Đài Loan hay Singapore cho thấy: **đổi mới sáng tạo và sự trỗi dậy của các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn chính** là hai động lực then chốt giúp các quốc gia này vượt qua bẫy thu nhập trung bình và vươn lên nhóm nước thu nhập cao.



Thúc đẩy tăng năng suất và giá trị gia tăng: mục tiêu TFP đóng góp trên 55% và năng suất khu vực tư tăng ~9%/năm. Đồng thời, đặt mục tiêu >50% hàng xuất khẩu là sản phẩm công nghệ cao vào 2030 => nâng chuỗi giá trị hàng xuất khẩu Việt Nam từ **gia công lắp ráp** lên **sản phẩm hàm lượng công nghệ** => quyết định khả năng bứt phá về thu nhập quốc dân trong dài hạn, tạo nền tảng chuyển mô hình tăng trưởng từ “**dựa vào gia tăng đầu vào**” sang “**dựa vào hiệu suất và đổi mới**”.



Giải phóng và huy động mọi nguồn lực xã hội: phát huy tối đa tiềm năng từ **người dân và doanh nghiệp tư nhân** – tương tự như Trung Quốc từng “cởi trói” khu vực tư nhân những năm 1980, 1990 giúp kinh tế cất cánh. Mục tiêu 3 triệu doanh nghiệp năm 2045 nghĩa là số DN bình quân/dân số sẽ ngang ngửa các nước phát triển, giúp chuyển nguồn lực từ nơi kém hiệu quả sang nơi hiệu quả hơn, kích hoạt vốn, đất, trí tuệ trong dân phục vụ tăng trưởng – **yếu tố then chốt** duy trì tăng trưởng 7–8%/năm một cách bền vững.



Phát triển doanh nghiệp dẫn dắt, nâng tầm thương hiệu Việt: hình thành doanh nghiệp **đầu tàu tầm cỡ khu vực và thế giới**. Nếu thành công, đến 2030–2045 Việt Nam sẽ xuất hiện thế hệ tập đoàn tư nhân lớn, giống như Samsung, Hyundai của Hàn Quốc, đóng vai trò “**đầu kéo**” cho nền kinh tế. Họ không chỉ tạo việc làm, đóng góp NSNN, mà còn dẫn dắt chuỗi cung ứng trong nước (liên kết hàng nghìn SME), lan tỏa công nghệ, đào tạo nhân lực và xây dựng thương hiệu Việt Nam trên trường quốc tế.



Nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập sâu: xác định **khu vực tư nhân**, cùng với **kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể**, là **trụ cột** xây dựng nền kinh tế **độc lập, tự cường**, giảm phụ thuộc vào FDI, đồng thời tạo nguồn lực nội địa vững chắc. Các doanh nghiệp hàng đầu sẽ vươn ra nước ngoài, giành thị phần quốc tế, giúp Việt Nam kết nối sâu vào mạng lưới thương mại, đầu tư toàn cầu. Sự cân bằng giữa **nội lực** và **ngoại lực (đầu tư, công nghệ từ ngoài)** tạo nên nền kinh tế vừa linh hoạt hội nhập vừa bền bỉ trước cú sốc bên ngoài. Đây là hình mẫu của các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản – các nước đã phát triển thành công.



Động lực chuyển đổi xanh và phát triển bền vững: Mặc dù trọng tâm là kinh tế số và tư nhân, cả hai nghị quyết đều không quên yếu tố phát triển bền vững. Nghị quyết 68 thúc đẩy tái cấu trúc kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, nhằm tránh mô hình “**phát triển trước, xử lý sau**”. Dù tốn kém ban đầu, chuyển đổi xanh sẽ nâng cao chất lượng tăng trưởng và giúp Việt Nam đạt chuẩn mực của một quốc gia phát triển vào năm 2045.

Nghị quyết 57 và 68 được thiết kế **toàn diện, bổ sung** cho nhau để thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Việt Nam. Tuy nhiên, thách thức lớn nằm ở khâu thực thi, đòi hỏi sự chỉ đạo quyết liệt và phối hợp đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Nếu duy trì quyết tâm cải cách trong 5–10 năm tới, Việt Nam có **cơ hội lớn** để bứt phá và đạt mục tiêu trở thành nước phát triển vào năm 2045.

GỢI Ý CHÍNH SÁCH



Nhanh chóng cụ thể hóa và thực thi các nghị quyết: Trước tiên, giai đoạn 2025–2030 cần **ưu tiên hoàn thiện khung pháp lý** cụ thể hóa Nghị quyết 57, 66 và 68, bao gồm: sửa đổi các luật quan trọng và luật hóa nguyên tắc tự do kinh doanh đồng thời bãi bỏ những giấy phép chồng chéo. Ban hành cơ chế **sandbox** cho công nghệ mới và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Nghiên cứu xây dựng **Trung tâm tài chính quốc tế** theo mô hình cởi mở như Dubai đã thực hiện nhằm tạo ra sự đột phá mạnh mẽ.



Học tập mô hình hỗ trợ khu vực tư nhân của các nước phát triển: bằng cách thành lập các cơ quan chuyên trách như **Ủy ban Phát triển DNNVV và Khởi nghiệp** trực thuộc Chính phủ (mô hình của Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore), nhằm hỗ trợ hiệu quả cho SMEs và startup. Đồng thời, cần thiết lập **Hội đồng đổi mới sáng tạo quốc gia** để chỉ đạo các chương trình khoa học – công nghệ trọng điểm. Những thiết chế này sẽ giúp triển khai nghị quyết một cách tập trung, có trách nhiệm và hiệu quả hơn.



Tiếp tục cải thiện chất lượng nguồn nhân lực: thông qua **cải cách giáo dục** gắn với **nhu cầu thị trường** và thúc đẩy **kỹ năng số, tư duy sáng tạo**. Hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo sẽ giúp sinh viên đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Đồng thời, nên có chính sách thu hút nhân tài Việt ở nước ngoài và đẩy mạnh đào tạo lại lực lượng lao động nhằm thích ứng với chuyển đổi công nghệ và tự động hóa.



Đẩy mạnh liên kết doanh nghiệp – hình thành cụm ngành và chuỗi cung ứng nội địa: tại những địa bàn trọng điểm, tập trung vào **lĩnh vực tiềm năng** (VD: cụm **công nghệ thông tin** ở TP.HCM, cụm **sản xuất điện tử** ở Bắc Ninh, cụm **chế biến nông sản** ở Đồng bằng sông Cửu Long...); hỗ trợ chính sách thu hút doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường học cùng tham gia, đồng thời khuyến khích liên kết giữa FDI và doanh nghiệp Việt. Mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng nội địa và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.



Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho R&D và đổi mới sáng tạo: thông qua **ưu đãi thuế** hoặc **thưởng tín dụng thuế** cho những doanh nghiệp có dự án đổi mới thành công, **quỹ đồng tài trợ** và **mở rộng các quỹ phát triển khoa học công nghệ**. Cần giám sát chặt việc sử dụng quỹ để đảm bảo đúng mục đích. Việc tăng chi cho R&D sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao giá trị sản phẩm, cải thiện năng suất và khả năng cạnh tranh.



Nâng cao trách nhiệm xã hội và quản trị doanh nghiệp của khu vực tư nhân: Bên cạnh việc **trao quyền**, cần yêu cầu khu vực tư nhân **nâng cao chuẩn mực quản trị** và **tuân thủ pháp luật**, đặc biệt về thuế, lao động và môi trường. Chuẩn ESG nên được tích hợp vào đánh giá doanh nghiệp và có cơ chế ưu đãi phù hợp. Điều này giúp nâng chất lượng thị trường, chuẩn bị cho hội nhập quốc tế, đồng thời cần song hành với cải cách tư pháp và chống tham nhũng để tạo môi trường kinh doanh liên chính.



Tăng cường hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm: tích cực học hỏi từ các nước đi trước, như: **Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc** trong xây dựng thể chế thúc đẩy tư nhân; tổ chức các đoàn công tác sang tìm hiểu mô hình cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, chính sách **“chaebol”** của Hàn Quốc, chiến lược **phát triển AI** của Trung Quốc... để áp dụng linh hoạt. Đồng thời, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (World Bank, OECD, UNDP) trong tư vấn chính sách nâng cao năng suất, chuyển đổi số, quản trị kinh tế; tham gia các hiệp định thế hệ mới (như CPTPP, RCEP, sắp tới có thể là DEPA về kinh tế số) cần được tận dụng như đòn bẩy để thúc đẩy cải cách nội địa phù hợp cam kết, tránh chậm trễ.

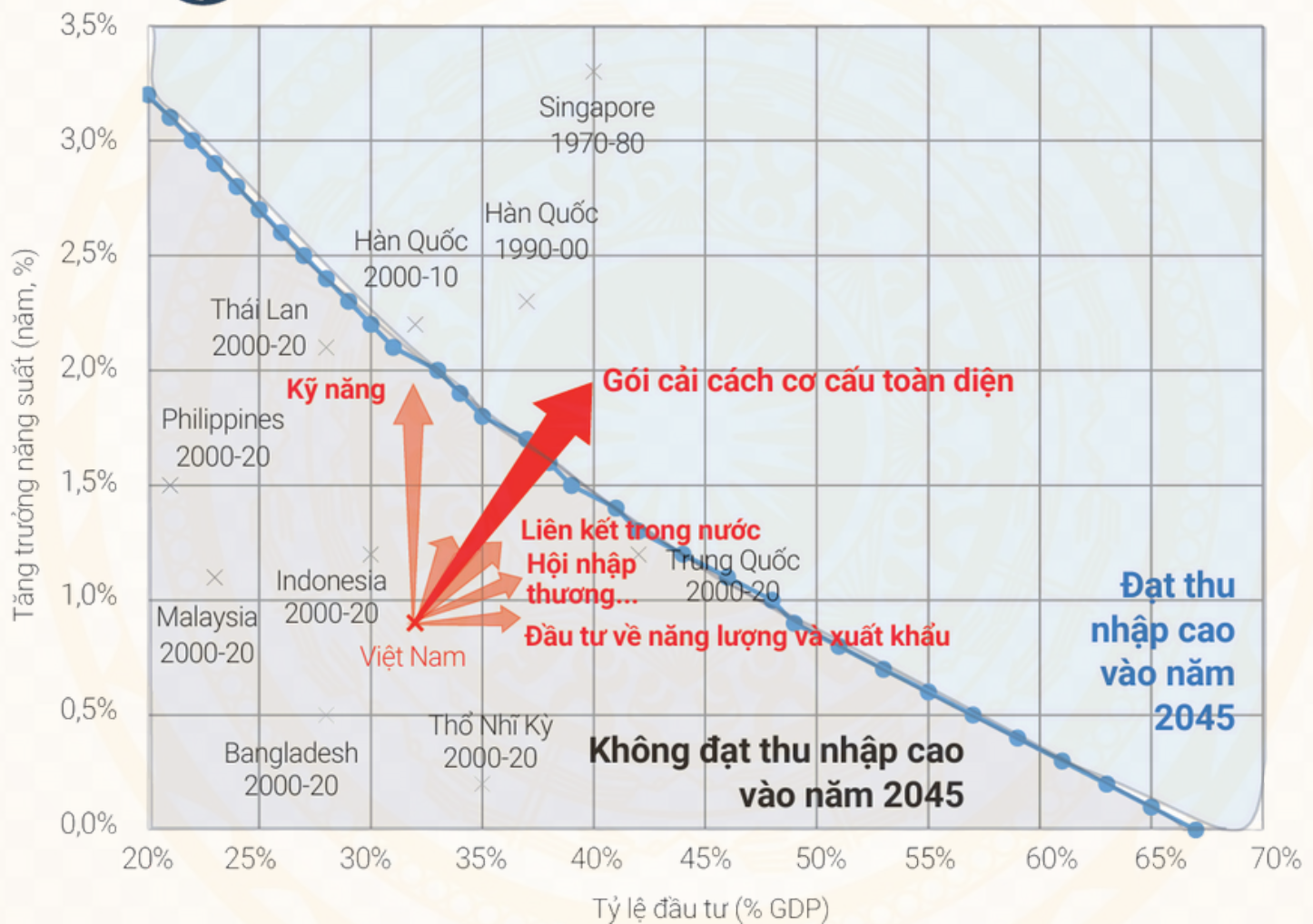
VIỆT NAM 2045 HỘI NHẬP & TỰ LỰC

Làn sóng cạnh tranh toàn cầu ngày một
gay gắt và sự chuyển mình không ngừng
của cuộc cách mạng công nghệ 4.0



VIỆT NAM 2045

HỘI NHẬP & TỰ LỰC



Trước làn sóng cạnh tranh toàn cầu ngày một gay gắt và sự chuyển mình không ngừng của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, cả Việt Nam và Trung Quốc đều đang khẩn thiết xây dựng những chiến lược phát triển mang tính trụ cột để thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Phần này của báo cáo sẽ đi sâu phân tích sự tương đồng và khác biệt trong tư duy chiến lược, cách thức hoạch định chính sách và năng lực thực thi giữa hai quốc gia, từ đó rút ra những bài học thực tiễn – **không phải để sao chép, mà để soi chiếu và gạn lọc những gì phù hợp nhất với căn cơ, điều kiện và khát vọng phát triển của Việt Nam.**

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

	Việt Nam	Trung Quốc
Tầm nhìn phát triển dài hạn	Ưu tiên xây dựng nền tảng thể chế mở đường cho phát triển	Kết hợp cải cách thị trường với chiến lược công nghiệp chủ động
Vai trò của nhà nước	Cách tiếp cận thể chế kiến tạo phát triển : - Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện nhưng đồng thời kiểm soát quyền lực, chống lợi ích nhóm, tham nhũng. - Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tạo điều kiện và phục vụ người dân, doanh nghiệp (<i>chuyển từ quản lý sang hỗ trợ</i>).	Cách tiếp cận thể chế kiến tạo phục vụ : - Tập trung củng cố quyền lực nhà nước và Đảng trong mọi lĩnh vực - đề cao vai trò dẫn dắt của nhà nước trong chiến lược công nghiệp và công nghệ. - Nhà nước sẵn sàng can thiệp mạnh để định hướng thị trường theo mục tiêu quốc gia.
Chính sách công nghiệp	Tập trung tạo <i>môi trường</i> cho đổi mới (thể chế, nhân lực, hạ tầng số): - Tạo động lực thông qua cơ chế, chính sách khuyến khích và hội nhập quốc tế để tiếp thu công nghệ. - Hướng tới quan hệ hợp tác, minh bạch, thân thiện với doanh nghiệp, chuyển từ quản lý sang phục vụ theo tinh thần "Chính phủ kiến tạo" - Nhấn mạnh tạo sân chơi bình đẳng và hỗ trợ tích cực. Chưa có danh mục ngành ưu tiên cụ thể.	Duy trì triết lý "nhà nước dẫn dắt, thị trường theo định hướng", khu vực tư nhân phát triển nhưng phải trong quỹ đạo ưu tiên của nhà nước : - Kế hoạch "Made in China 2025" (2015): Vạch ra 10 ngành công nghiệp mũi nhọn cần vươn lên dẫn đầu. - Sử dụng kế hoạch nhà nước và đầu tư lớn, chiến lược công nghệ của Trung Quốc rất bài bản và được hậu thuẫn bởi nguồn lực công mạnh mẽ. - Nhà nước Trung Quốc vẫn nắm giữ các lĩnh vực trọng yếu (ngân hàng, năng lượng, viễn thông...) thông qua DNNN. - Gần đây, chính quyền Trung Quốc thậm chí siết quản lý một số doanh nghiệp tư nhân lớn (đỉnh chỉ IPO Ant Group, chấn chỉnh lĩnh vực dạy thêm, công nghệ...) nhằm phục vụ mục tiêu ổn định và chủ quyền dữ liệu.



Tựu trung, cả Việt Nam và Trung Quốc đều **chung một chí hướng**: *hiện đại hóa nền kinh tế, phát triển công nghệ và khơi dậy tiềm lực khu vực tư nhân*. Tuy nhiên, **phương thức tiếp cận lại phân nhánh**: **Việt Nam** lựa chọn con đường **cải cách thể chế, tháo gỡ rào cản pháp lý để tạo lập môi trường thuận lợi**, từ đó khuyến khích mọi nguồn lực trong dân được tự do vận động. Trái lại, **Trung Quốc duy trì mô hình nhà nước chỉ đạo mạnh mẽ, định hướng trực tiếp vào các ngành và công nghệ chiến lược**. Nếu vai trò của Nhà nước Việt Nam đang từng bước chuyển hóa thành "bà đỡ" cho thị trường, thì tại Trung Quốc, Nhà nước vẫn là "kiến trúc sư trưởng" – vẽ đường, dựng cột, phân vai – trong công cuộc công nghiệp hóa.

THỰC THI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU

Với quy mô và nguồn lực vượt trội, Trung Quốc đã đạt nhiều thành tựu rõ rệt sau các chiến lược lớn, dù cũng đối mặt không ít khó khăn.

Thứ nhất, về Kế hoạch “Made in China 2025” sau 9 năm

2015	Trung Quốc	2023
55,3%	Tỷ trọng đóng góp của tiến bộ khoa học-công nghệ vào GDP	65,3%
Đóng góp 43% số bài báo nghiên cứu về AI	Mạng 5G, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử	Dẫn đầu thế giới
~68.700	Số lượng bằng sáng chế quốc tế do Trung Quốc nộp	~135.100
20%	Tỷ lệ nội địa hóa công nghệ cốt lõi	50%
~10-20%	Nhu cầu chip có thể tự đáp ứng	20%

Nguồn: Mckinsey, Finance Sina, IC Insight...

Trung Quốc xây dựng được các tập đoàn công nghệ nội địa mạnh trong các lĩnh vực then chốt (**Huawei trong viễn thông, DJI trong thiết bị bay không người lái, CATL trong pin xe điện**, v.v.). Một chỉ dấu thành công là năm **2019**, lần đầu tiên **Trung Quốc vượt Mỹ về số bằng sáng chế AI** mới được đăng ký. Nhiều ngành công nghiệp ưu tiên của MIC2025 đã phát triển bùng nổ, như xe điện, công nghệ sinh học, vật liệu mới, góp phần chuyển đổi cơ cấu công nghiệp Trung Quốc.

Thứ hai, về cải cách thể chế và môi trường kinh doanh, có thể nói Trung Quốc đã bước đi khá sớm và khá dứt khoát. Những năm gần đây, họ đã vươn lên nhiều bậc trong xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu. Từ việc khởi sự doanh nghiệp, xin giấy phép xây dựng đến nộp thuế, mọi thủ tục hành chính đều được cải thiện so với thập kỷ trước. Kết quả là dòng vốn tư nhân trong nước cũng như FDI đều được khơi thông mạnh mẽ. Dẫu gần đây có vài cơn gió ngược – như chính sách siết lĩnh vực công nghệ giáo dục hay bất động sản – gây ít nhiều e ngại cho giới đầu tư, thì nhìn tổng thể, Trung Quốc vẫn là một thị trường hấp dẫn nhờ quy mô dân số lớn và hệ sinh thái công nghiệp gần như trọn vẹn. Họ đã **vượt qua ngưỡng thu nhập trung bình, chạm ngưỡng gần 12.700 USD/người năm 2022**. Nếu giữ được đà tăng trưởng khoảng +5% mỗi năm, Trung Quốc **hoàn toàn có thể đạt chuẩn “thu nhập cao” trước 2030** – đúng như khát vọng “China 2030” đã vạch ra. Bên cạnh đó, chiến dịch cải cách “phía cung” từ năm 2015 đã giúp Trung Quốc giải bài toán dư thừa công suất, tái cấu trúc lại các doanh nghiệp nhà nước yếu kém, và thanh lọc những “doanh nghiệp xác sống” vốn từng kéo lùi cả nền kinh tế. Đây cũng chính là những nỗi trăn trở mà Việt Nam đang đối diện – và là bài học rất mực thiết thực.

Thứ ba, xét về khu vực tư nhân, Trung Quốc hiện có trên **44 triệu doanh nghiệp và hơn 100 triệu hộ kinh doanh cá thể** – một lực lượng hùng hậu đóng góp hơn **50% GDP**. Đáng chú ý, nhiều doanh nghiệp trong số đó đã có thể vươn tầm thế giới, đặc biệt trong công nghệ, sản xuất và dịch vụ số. Tuy vậy, không ít doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp khó trong tiếp cận vốn, công nghệ, và đối mặt với khoảng cách lớn so với nhóm dẫn đầu. Điều này khiến cải cách tài chính, pháp lý nhằm hỗ trợ tư nhân vẫn là một ưu tiên hàng đầu – tương đồng với những gì Việt Nam đang nhắm tới. Năm 2023, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành văn kiện về việc thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, như một động thái trấn an, đồng thời khẳng định lại cam kết tạo dựng một môi trường thị trường ổn định, minh bạch, công bằng hơn cho giới doanh nghiệp sau một thời gian bất ổn chính sách. Nói một cách nhẹ nhàng: để phát triển bền vững, không thể chỉ dùng mệnh lệnh; mà phải dưỡng khí cho thị trường bằng niềm tin và luật lệ ổn định.

Tựu trung lại, Trung Quốc đã đi trước ta một quãng trong hành trình hiện đại hóa – từ công nghiệp đến thể chế, từ quy mô kinh tế đến năng lực cạnh tranh. Với GDP hơn 18 nghìn tỷ USD năm 2024, **họ đã bỏ xa Việt Nam cả bề rộng lẫn bề sâu. Nhưng Việt Nam, dầu còn ở vạch xuất phát, lại có điều quý giá: một tinh thần cải cách đang dâng lên mạnh mẽ và một khát vọng không thua kém ai.** Tương lai của ta không nằm ở những lời phát ngôn hùng biện, mà ở việc từng nghị quyết được cụ thể hóa bằng hành động thiết thực, hiệu quả – ở mọi cấp, từ trung ương đến địa phương. Và bài học từ nước bạn, cả thành công lẫn lỗ bước, sẽ là kho kinh nghiệm sống động để ta triển khai các Nghị quyết 57, 66, 68 một cách tỉnh táo và vững vàng.

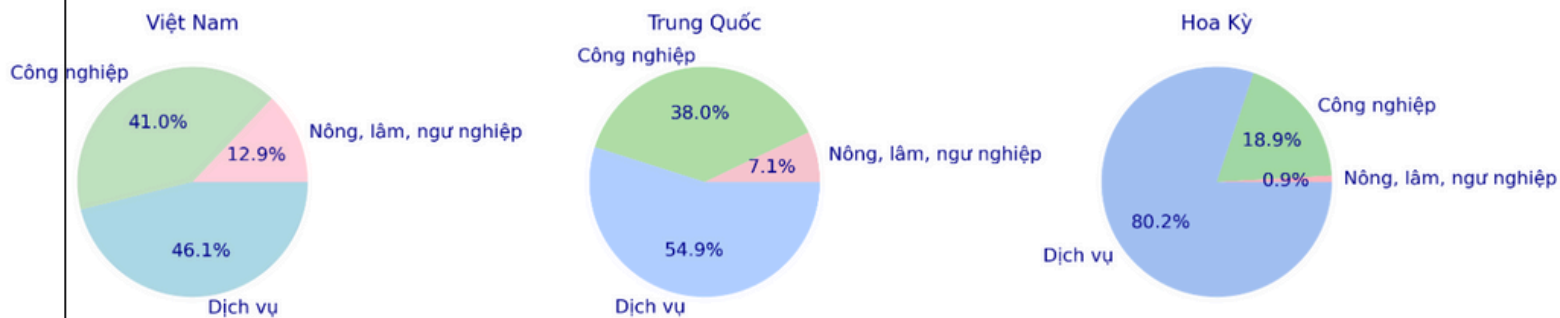


Cơ hội và rủi ro cho Việt Nam khi phát triển theo con đường Trung Quốc

Hành trình phát triển của Trung Quốc những thập niên gần đây, dù còn nhiều tranh cãi, vẫn là một hình mẫu có thể tham chiếu quý báu cho Việt Nam – **nếu ta biết học cái tinh, bỏ cái phù, và điều chỉnh theo thực cảnh nước mình.**

Tỷ trọng GDP theo ngành của Việt Nam, Trung Quốc & Hoa Kỳ (2023)

Nguồn: GSP, CSIS ChinaPower, BEA



Việt Nam đang đứng giữa ngã ba của quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng – nếu chỉ tối ưu công nghiệp gia công, Việt Nam sẽ bị mắc kẹt trong “bẫy trung bình”. Ngược lại, nếu tận dụng được chuyển dịch chuỗi cung ứng, đòn bẩy số hóa và cải cách thể chế để phát triển dịch vụ có giá trị gia tăng cao, nước ta có thể bước sang giai đoạn phát triển bền vững theo hướng nội sinh – đúng như tinh thần “Việt Nam 2045”.

Về phía cơ hội, Việt Nam đang đứng trước một khúc quanh đáng quý.

Thứ nhất, cơ hội công nghiệp hóa – hiện đại hóa đang mở ra khi thế giới bước vào thời đoạn tái định hình chuỗi cung ứng. Việt Nam hiện diện như một điểm đến tiềm năng nhờ nhân công còn rẻ, hội nhập sâu rộng và chính trị ổn định. Nếu biết nâng cao năng lực công nghiệp **hỗ trợ, thu hút FDI công nghệ cao và từng bước gia tăng hàm lượng nội địa**, ta có thể **chen chân vào những phân khúc giá trị cao hơn** – nơi Trung Quốc đang nhường lại khi chuyển dịch lên trình độ công nghệ tiên tiến hơn. Thời gian không đợi người, đây là “cửa sổ cơ hội” có hạn, cần tận dụng trong vòng 5–10 năm tới.

Thứ hai, về khoa học công nghệ, Trung Quốc đã dốc sức đầu tư cho R&D ở mức 2,4% GDP, qua đó tạo nên những đột phá như 5G, AI, xe điện. Việt Nam dù đang ở mức khiêm tốn – chưa đầy 0,5% GDP – nhưng hoàn toàn có thể học theo tinh thần đó: tăng đầu tư vào giáo dục, khuyến khích nghiên cứu, thu hút chất xám từ kiều bào, và lựa chọn trọng điểm công nghệ để đầu tư – như AI trong nông nghiệp, công nghệ tài chính, năng lượng tái tạo... Không chạy theo số lượng, mà trọng cái chất, cái riêng – đó mới là cách tạo dấu ấn xứng đáng.

Thứ ba, về thị trường và hội nhập, Trung Quốc tận dụng thị trường nội địa để nuôi dưỡng doanh nghiệp trong nước. Việt Nam, tuy quy mô nhỏ hơn, vẫn có thể dùng thị trường 100 triệu dân làm nơi thử nghiệm sản phẩm, rồi từng bước đưa ra khu vực. Với độ mở thương mại lên tới 200% GDP và nhiều FTA thế hệ mới, Việt Nam hoàn toàn có thể kết hợp linh hoạt giữa ngoại lực và nội lực: tận dụng thị trường để thương lượng chuyển giao công nghệ, khéo léo lồng ghép điều kiện hợp tác – từ đó rút ngắn quá trình học hỏi và “lớn lên” trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, đi theo dấu chân người khác cũng tiềm ẩn nhiều **rủi ro**, nếu ta không rõ mình là ai, đang đứng ở đâu.

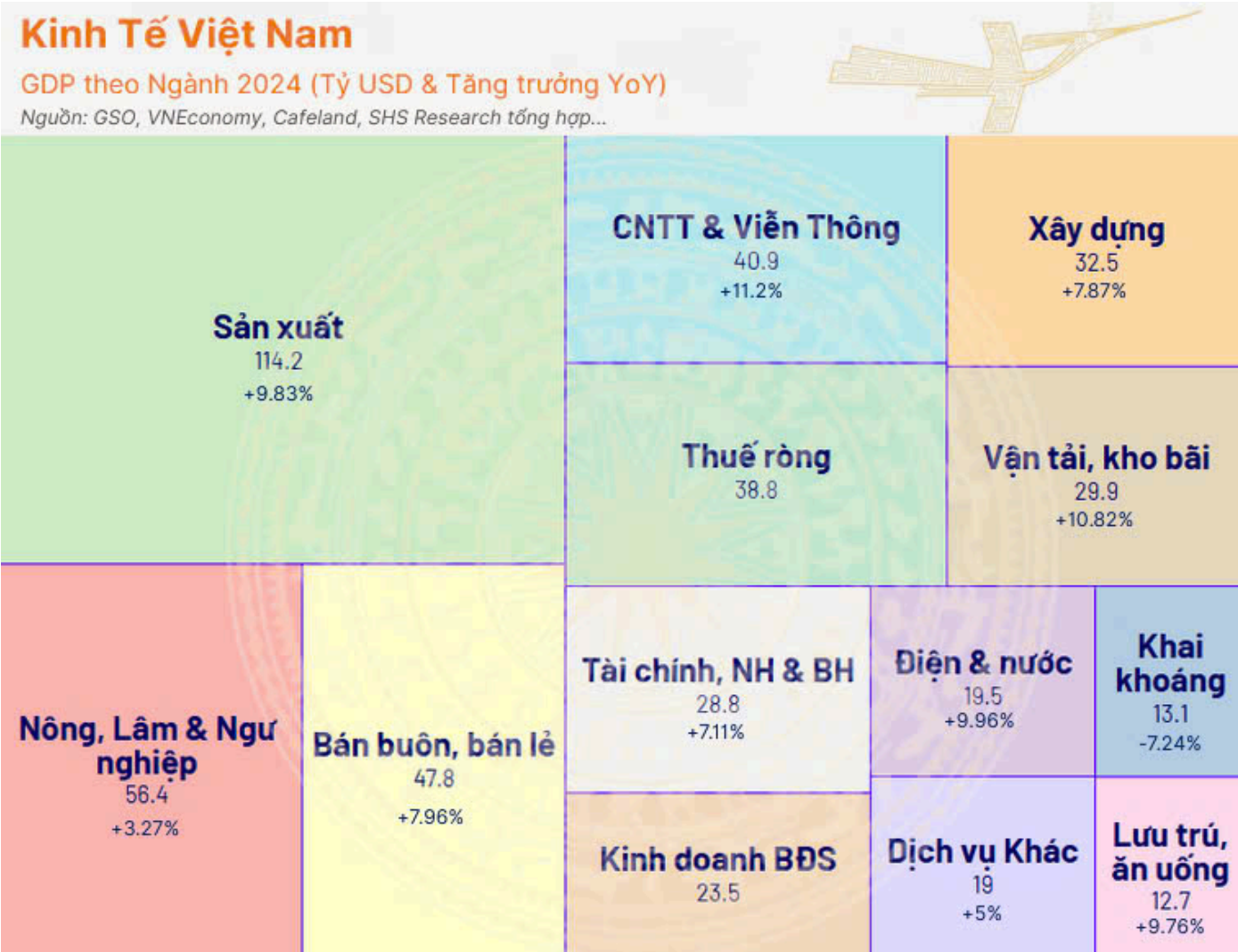
Trước hết là rủi ro quy mô: Việt Nam **không thể đầu tư dàn trải như một “nước lớn”**. Nếu học theo mô hình MIC2025 của Trung Quốc mà không lựa chọn kỹ lĩnh vực ưu tiên, ta dễ rơi vào dở dang, lãng phí. Nên chọn ít nhưng trúng – như AI ứng dụng, logistics bán dẫn, năng lượng sạch – để đi thật sâu.

Thứ hai là nguy cơ hiệu suất thấp: Trung Quốc từng chạy theo số lượng, dẫn đến sản phẩm kém chất lượng và lãng phí tài nguyên. Việt Nam **cần tránh vết xe này bằng cách cải cách thể chế thật sâu, xây dựng thị trường cạnh tranh thực chất, thay vì mô hình “nửa nhà nước – nửa thị trường” dễ sinh bệnh thành tích**.

Thứ ba, về địa chính trị, việc *đẩy mạnh tự chủ công nghệ* có thể khiến Việt Nam vướng vào sự nghi ngờ hoặc cạnh tranh từ các nước lớn. Muốn đi xa, **cần khéo cân bằng: phát triển nội lực nhưng vẫn giữ tinh thần hợp tác**, nhất là trong những lĩnh vực như bán dẫn – nơi Việt Nam cần cả vốn, công nghệ lẫn niềm tin từ đối tác. Đặc biệt, tránh sa đà vào vay nợ công, mà nên khơi thông dòng vốn tư nhân và FDI **có chọn lọc**.

Sau cùng, khác biệt thể chế cũng là một **thách thức thực tế**. Trung Quốc có thể huy động cả hệ thống hành chính trong một chiến dịch đồng bộ; Việt Nam thì cần tinh giản thủ tục, tăng tính minh bạch và cải thiện năng lực thực thi. Nếu không, dù định hướng đúng, hành động vẫn có thể bị kẹt bởi sự chần chừ hoặc tâm lý sợ trách nhiệm. Trong bối cảnh đó, *chống lợi ích nhóm, kiểm soát thất thoát và duy trì kỷ cương* là điều **không thể coi nhẹ**.

Tổng kết lại, Trung Quốc cho ta thấy một con đường với nhiều thành tựu đáng học hỏi – đặc biệt là trong phát triển công nghệ và doanh nghiệp tư nhân. Nhưng bài học cũng rõ ràng: càng can thiệp sâu, càng dễ đối mặt với rủi ro méo mó thị trường hoặc xung đột quốc tế. Việt Nam, nếu biết giữ lấy bản sắc, phát huy trí tuệ mềm, tận dụng hội nhập và xây nội lực bền bỉ – thì dù đi chậm hơn, vẫn có thể vững vàng tiến tới mục tiêu của mình.



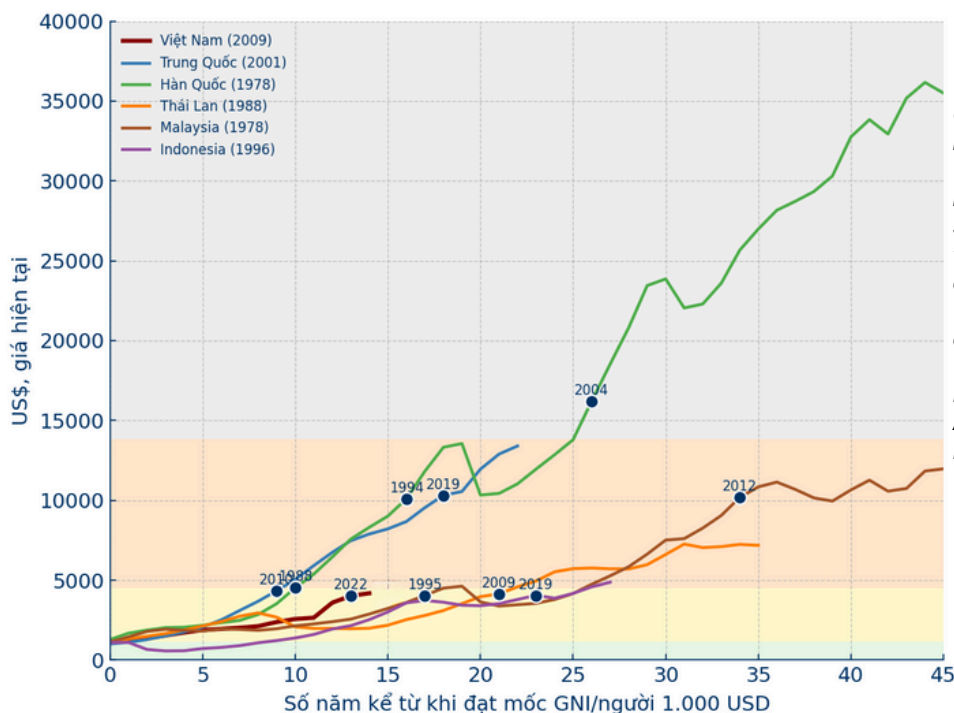
Bài học từ mô hình Trung Quốc: Gợi ý cho một con đường Việt Nam tự cường

Từ những thành công nổi bật lẫn giới hạn thực tế trong quá trình hiện đại hóa của Trung Quốc, Việt Nam có thể chất lọc những bài học thiết thực, **không để lặp lại, mà để vượt lên – bằng chính nội lực và hoàn cảnh riêng biệt của mình.**

Thứ nhất, đặt con người làm trung tâm, **giáo dục làm gốc rễ.** Không có thành tựu nào bền vững nếu thiếu sự khai phóng trí tuệ. Trung Quốc đã đầu tư mạnh vào đại học, R&D, và chính sách thu hút nhân tài, kể cả những người con xa xứ. **Việt Nam cần nối tiếp tinh thần ấy bằng cải cách giáo dục STEM thực chất, chính sách đãi ngộ xứng đáng và khơi dậy khí chất học hỏi từ mọi tầng lớp nhân dân.**

Thứ hai, dẫn dắt sự phát triển bằng cả bàn tay thị trường lẫn vai trò kiến tạo của nhà nước, nhưng phải **biết khi nào nên nâng đỡ, khi nào nên buông lỏng.** Tránh can thiệp dàn trải, cần tập trung hỗ trợ có chọn lọc, dựa trên kỷ luật và minh bạch – để chính sách không trở thành đặc quyền, mà là ngọn đèn soi đường.

Thứ ba, xây dựng hạ tầng không chỉ là mở rộng đường sá, mà là mở rộng chân trời số hóa và kết nối tri thức. **Những công trình hạ tầng lớn cần được đánh giá bằng hiệu quả lan tỏa, chứ không chỉ quy mô đầu tư. Tránh bẫy nợ, tránh phô trương** – bởi những gì xây trên nền cát sẽ chóng đổ.



Chú thích: Nền biểu đồ được tô màu theo nhóm thu nhập của World Bank (2024): xanh lá nhạt = thu nhập thấp (< \$1.135), vàng nhạt = thu nhập trung bình thấp (\$1.136–4.465), cam nhạt = trung bình cao (\$4.466–13.845), xám nhạt = cao (> \$13.845).

Nguồn: GNI theo phương pháp Atlas của WorldBank, SHS Research tổng hợp

Việt Nam vẫn đang trong "vùng trũng" về tăng trưởng thu nhập, chưa có dấu hiệu của **"inflection point"** (điểm bẻ cong tăng trưởng) mà Trung Quốc có được nhờ cú hích đầu tư công, công nghiệp nặng và cải cách cấu trúc toàn diện giai đoạn 2000–2010. Bài học từ Hàn Quốc và Trung Quốc cho thấy: bút phá đòi hỏi những **"big push"** về cải cách thể chế, công nghệ, và định hướng xuất khẩu – những yếu tố Việt Nam còn **hạn chế**, đặc biệt là về **năng suất lao động và chất lượng FDI**. Việt Nam cần tránh "quỹ đạo Malaysia" – tăng trưởng nhưng không đủ sâu để vượt lên nhóm nước phát triển. Điều này đòi hỏi cải cách vượt lên trên lợi thế lao động giá rẻ, hướng đến năng suất và giá trị gia tăng cao hơn.

KẾT LUẬN

Việt Nam và Trung Quốc, đều cùng chia sẻ mục tiêu phát triển hiện đại, nhưng mỗi nước có một phong cách, một lối đi riêng. Trung Quốc cho ta thấy rằng, nếu biết đặt khoa học, công nghệ và khu vực tư nhân đúng vị trí, thì có thể vươn mình thành cường quốc. Nhưng cũng nhắc ta rằng, tăng trưởng nóng, thiếu minh bạch và mất cân bằng thị trường – có thể để lại những hệ lụy khó lường.

Với Việt Nam, tương lai không nằm ở những khẩu hiệu, mà ở sự kiên trì cải cách, sự lắng nghe thực tiễn, và khả năng biến chủ trương thành hành động nhất quán. **Các nghị quyết 57, 66, 68 nếu được thực thi nghiêm túc, sẽ không chỉ là kim chỉ nam, mà còn là chìa khóa mở ra một kỷ nguyên mới** – nơi Việt Nam bước vào hiện đại hóa bằng đôi chân tự lực, với bản sắc riêng và tâm thế hội nhập.

Và hơn cả, bài học sâu sắc nhất mà chúng ta có thể nhận từ bất kỳ quốc gia nào – chính là lời nhắc: hãy trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình.

Tài liệu tham khảo:

Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (2024) về phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
Nghị quyết 66-NQ/TW của Bộ Chính trị (2025) về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật.
Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị (2025) về phát triển kinh tế tư nhân.
“Made in China 2025” – Chiến lược công nghiệp Trung Quốc.
“China 2030” (Ngân hàng Thế giới & Quốc vụ viện Trung Quốc, 2012) – Định hướng cải cách để Trung Quốc thành nước thu nhập cao.
Các bài phân tích thành tựu và hạn chế của MIC2025, chiến lược AI Trung Quốc, phát triển khu vực tư nhân Việt Nam, v.v.
Thông tin từ Chính phủ và báo chí chính thống Việt Nam (Chinhphu.vn, VietnamNews, VOV, v.v.) về việc triển khai các nghị quyết và mục tiêu phát triển đến 2030-2045.

Nguyễn Minh Hạnh

Giám đốc Trung tâm Phân tích

Vũ Tuấn Duy

Chuyên viên phân tích

Vũ Thị Huyền Trang

Wealth Advisor, Thiết kế & Trình bày

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Những quan điểm được trình bày trong báo cáo đã phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chuyên viên phân tích về vấn đề này. Chúng tôi xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan tới các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. Ngoài yếu tố nội tại, tâm lý thị trường có thể ảnh hưởng tới biến động giá cổ phiếu. Quá trình định giá doanh nghiệp cũng có thể có những thay đổi tùy thuộc vào diễn biến nền kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước đối với ngành nghề kinh doanh, sự phát triển chung của ngành và biến động liên quan đến tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Việc diễn giải các khuyến nghị này cần được thực hiện một cách linh hoạt và chúng tôi không có bất cứ trách nhiệm nào nếu việc sử dụng khuyến nghị này gây ra thiệt hại.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội Số 41
Ngô Quyền, Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Tp.
Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,
Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03
Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung,
Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

-  Website: shs.com.vn
-  Tel: 84.24.38181888
-  Email: contact@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SHTrading

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: trading.shs.com.vn